

CÔNG TY TNHH BASIC GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BASIC GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BASIC GLOBAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110416603

3. Ngày thành lập: 13/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

25/175 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912319912

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp - Bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	4669
8.	Trồng cây ăn quả	0121
9.	Trồng cây lâu năm khác	0129
10.	Chăn nuôi khác (trừ nuôi bò sát và côn trùng)	0149
11.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo) Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.	8230

13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
14.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8531
15.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng	8559
16.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
17.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn	1079
23.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
24.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
26.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
27.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512(Chính)
28.	Sản xuất giày, dép	1520
29.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
32.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
33.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
34.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm kim loại là vàng)	2420
35.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826

36.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
37.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
38.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng miếng) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4789
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
41.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
42.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4933
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
45.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
49.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
51.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm)	7810
52.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
53.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

